

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 34/2020/HS-ST
Ngày: 13 - 8 - 2020

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG - TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Ngọc Dụ;

Ông Lê Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Mai Văn N, sinh năm 1974; nơi cư trú: Xóm L, xã N, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn R và bà Mai Thị H (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 03/6/2013 bị Công an huyện Xuân Trường xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000đ về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị tạm giữ từ ngày 07/5/2020 đến ngày 13/5/2020 chuyển tạm giam đến nay; “có mặt”.

2. Phạm Ngọc T, sinh năm 1970; nơi cư trú: Xóm B, xã N, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc Đ và bà Đỗ Thị K (đã chết); có vợ là Đỗ Thị T, sinh năm 1973; có 02 con, con lớn

sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 07/5/2020 đến ngày 13/5/2020 chuyển tạm giam đến nay; “có mặt”.

- *Người chứng kiến*: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 14, thị trấn T, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Văn N và Phạm Ngọc T là bạn cùng nghiện ma túy. Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 07/5/2020, N đi bộ từ nhà đến khu vực đường dong giao cắt với đường 489C thuộc tổ 12, thị trấn T, huyện X thì gặp Phạm Ngọc T. Cả hai bàn bạc cùng góp tiền mua Heroine để sử dụng chung, mỗi người góp 50.000đ. T đưa cho N 50.000đ rồi đứng chờ, còn N đi vào khu vực dân cư thuộc tổ 12, thị trấn Xuân Trường mua 100.000đ ma túy của 01 nam thanh niên được 01 gói nhỏ bên ngoài gói bằng giấy, bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng mà N xác định là Heroine. N cầm trong lòng bàn tay rồi đi ra thông báo cho T đã mua được ma túy. Sau đó, N và T đi đến khu vực N trang thuộc tổ 14, thị trấn T để cùng sử dụng. Khi N vừa bỏ gói ma túy ra thì bị Tổ công tác Công an huyện Xuân Trường phát hiện bắt quả tang, N giao nộp 01 gói ma túy cho Tổ công tác. Tổ công tác đã mời người chứng kiến, niêm phong tại chỗ gói nhỏ ma túy N giao nộp, ký hiệu M và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Trường đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của N và T nhưng không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Kết luận giám định số 488/GĐKTHS ngày 08/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Mẫu bột dạng cục màu trắng trong 01 gói nhỏ bên ngoài gói bằng giấy được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu M gửi giám định là ma túy, loại ma túy: Heroine, khối lượng mẫu M là 0,206 gam.

Tại Cơ quan điều tra, Mai Văn N và Phạm Ngọc T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của mình cũng như không có khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

Cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 16/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố các bị cáo Mai Văn N và Phạm Ngọc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường luận tội, đánh giá hành vi phạm tội, nhân thân tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quan điểm đã truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Mai Văn N; căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Ngọc T;

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Mai Văn N và Phạm Ngọc T đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Mai Văn N từ 21 đến 24 tháng tù; xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T từ 15 đến 18 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người nghiện ma túy, không có việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, cho tiêu hủy số Heroine đã thu giữ.

Các bị cáo Mai Văn N, Phạm Ngọc T nhận tội và không tự bào chữa, tranh luận gì.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo tỏ thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người chứng kiến, kết hợp với kết luận giám định về số ma túy thu giữ cùng các

tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Ngày 07/5/2020, tại tổ 14, thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, các bị cáo Mai Văn N, Phạm Ngọc T đã có hành vi cất giấu 0,206 gam Heroine với mục đích sử dụng chung cho bản thân thì bị bắt giữ. Vì vậy, hành vi của các bị cáo Mai Văn N và Phạm Ngọc T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của các bị cáo Mai Văn N, Phạm Ngọc T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của nhà nước về các chất gây nghiện, tiếp tay cho tệ nạn mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy, một hiểm họa lớn cho toàn xã hội, là nguồn gốc phát sinh nhiều loại tội phạm như: trộm cắp tài sản, cướp tài sản..., làm tan vỡ hạnh phúc bao gia đình. Các bị cáo là người nghiện ma túy, đã thấu hiểu được tác hại của ma túy nhưng vẫn cố tình góp tiền mua ma túy để cùng sử dụng. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo theo quy định của pháp luật hình sự để răn đe và phòng ngừa.

[4] Về vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo cùng nhau góp tiền mỗi người 50.000đ để mua ma túy về cùng sử dụng nên có vai trò ngang nhau trong vụ án.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Mai Văn N đã bị xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên có nhân thân xấu; các bị cáo không có tiền án, tiền sự nên không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo T có bố đẻ là ông Phạm Ngọc Đ được tặng Huân chương bảo vệ Tổ quốc nên bị cáo T còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt chính: Sau khi cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là áp dụng hình phạt tù có thời hạn như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đủ tác dụng trừng trị, giáo dục, cải tạo các bị

cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, cũng như đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là người nghiện ma túy, không có việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng thu giữ: Số Heroine đã thu giữ là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu, cho tiêu hủy.

[9] Đối với nam thanh niên đã bán ma túy cho bị cáo N, bị cáo khai không biết tên, tuổi, địa chỉ, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không đủ cơ sở kết luận nên đã tách ra để tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Mai Văn N; căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Ngọc T;

- Tuyên bố các bị cáo Mai Văn N, Phạm Ngọc T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

+ Xử phạt bị cáo Mai Văn N 22 (hai mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/5/2020;

+ Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T 16 (mười sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/5/2020.

2. Xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy số Heroine trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 488/GĐKTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định.

(Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 41/CCTHA ngày 28/7/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Trường và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường).

3. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc các bị cáo Mai Văn N, Phạm Ngọc T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo Mai Văn N, Phạm Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- Công an huyện Xuân Trường;
- UBND xã N;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Thung